**Một số điểm mới trong Luật trợ giúp pháp lý năm 2017**

**và yêu cầu đặt ra đối với Hội Luật gia Việt Nam**

**I. Sự cần thiết ban hành Luật trợ giúp pháp lý**

Luật Trợ giúp pháp lý (TGPL) được Quốc hội khóa XI thông qua ngày 29/6/2006 đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng thúc đẩy công tác TGPL phát triển, đáp ứng tốt hơn nhu cầu TGPL, góp phần nâng cao nhận thức của người dân về pháp luật nói chung, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người nghèo, đối tượng chính sách và người có hoàn cảnh khó khăn nói riêng. Trong 10 năm thi hành Luật TGPL, công tác TGPL đã đạt được những kết quả đáng khích lệ, góp phần không nhỏ vào việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người được trợ giúp pháp lý. Tuy nhiên, đứng trước yêu cầu phát triển mới của đất nước, yêu cầu triển khai thi hành Hiến pháp năm 2013, nhiều đạo luật mới quan trọng đã được Quốc hội ban hành, nhiều chính sách cải cách được thông qua, trong đó có việc tăng cường cải cách pháp luật, cải cách tư pháp theo định hướng của Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng và yêu cầu chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, hoạt động TGPL đã bộc lộ những hạn chế, bất cập như diện người được TGPL còn chưa đầy đủ, chất lượng vụ việc TGPL nhiều lúc còn chưa được bảo đảm, chưa chuyên nghiệp. Tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề của người thực hiện TGPL chưa thống nhất, tổ chức bộ máy TGPL còn cồng kềnh, hiệu quả xã hội hóa còn hạn chế...

Vì vậy, để khắc phục hạn chế, bất cập trong hoạt động TGPL; tạo khuôn khổ pháp lý cho sự phát triển bền vững công tác TGPL theo hướng chuyên nghiệp hóa, xã hội hóa, sử dụng hiệu quả các nguồn lực của Nhà nước, xã hội nhằm cung cấp kịp thời dịch vụ pháp lý cho người có nhu cầu được TGPL, tạo bước chuyển biến căn bản trong việc nâng cao chất lượng dịch vụ TGPL, bảo đảm thực hiện các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên; đồng bộ với khuôn khổ pháp luật hiện hành, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp, cải cách hành chính, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế thì việc nghiên cứu, sửa đổi Luật TGPL là cần thiết.

Do đó, Luật TGPL đã được đưa vào Chương trình xây dựng Luật của Quốc hội khóa 14 và ngày 20/6/2017 vừa qua, tại kỳ họp lần thứ 3, Luật TGPL đã được thông qua với nhiều nội dung mới quan trọng, đáp ứng được yêu cầu của công tác TGPL hiện nay. Luật có hiệu lực thi hành kể từ 01/01/2018, thay thế cho Luật TGPL năm 2006.

**II. Bố cục của Luật TGPL năm 2017**

Luật TGPL năm 2017 gồm 08 Chương, 48 Điều, cụ thể:

- Chương I: Những quy định chung (từ Điều 1 đến Điều 6) quy định về phạm vi điều chỉnh, khái niệm TGPL, nguyên tắc hoạt động TGPL, chính sách của Nhà nước về TGPL, nguồn tài chính cho công tác TGPL, các hành vi bị nghiêm cấm.

- Chương II: Người được TGPL (từ Điều 7 đến Điều 9) quy định về người được TGPL, quyền và nghĩa vụ của người được TGPL.

- Chương III: Tổ chức thực hiện TGPL (từ Điều 10 đến Điều 16) quy định về tổ chức thực hiện TGPL bao gồm Trung tâm TGPL nhà nước (Trung tâm) và các tổ chức tham gia TGPL, quyền và nghĩa vụ của tổ chức thực hiện TGPL.

- Chương IV: Người thực hiện TGPL (từ Điều 17 đến Điều 25) quy định về người thực hiện TGPL, quyền và nghĩa vụ của người thực hiện TGPL, các trường hợp không được tiếp tục thực hiện hoặc phải từ chối thực hiện TGPL.

- Chương V: Phạm vi, lĩnh vực, hình thức và hoạt động TGPL (từ Điều 26 đến Điều 39) quy định về phạm vi thực hiện TGPL, lĩnh vực và hình thức TGPL, quy trình thực hiện TGPL từ tiếp nhận yêu cầu TGPL đến thực hiện TGPL, hồ sơ, lưu trữ hồ sơ vụ việc TGPL.

- Chương VI: Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức đối với hoạt động TGPL (từ Điều 40 đến Điều 44) quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về TGPL và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan.

- Chương VII: Giải quyết khiếu nại, tố cáo và tranh chấp (Điều 45 và Điều 46) quy định về giải quyết khiếu nại, tố cáo; giải quyết tranh chấp trong hoạt động TGPL.

- Chương VIII: Điều khoản thi hành (Điều 47 và Điều 48) quy định về hiệu lực thi hành, điều khoản chuyển tiếp và hướng dẫn thi hành.

**III. Những điểm mới cơ bản của Luật trợ giúp pháp lý**

**1. Về chính sách của Nhà nước về trợ giúp pháp lý**

Bên cạnh việc kế thừa chính sách TGPL đã được quy định trong Luật TGPL năm 2006 trong đó vẫn xác định “***TGPL là trách nhiệm của nhà nước***”, trong Luật TGPL lần này đã bổ sung thêm các chính sách mới để đảm bảo quyền được TGPL phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng TGPL, thu hút các nguồn lực thực hiện TGPL, hỗ trợ, khuyến khích, ghi nhận và tôn vinh các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia, đóng góp cho hoạt động TGPL. Bên cạnh đó, trong Luật TGPL lần này còn quy định rõ Nhà nước có trách nhiệm bố trí kinh phí hàng năm cho công tác này. Đối với các địa phương chưa tự cân đối được ngân sách sẽ được ưu tiên bố trí ngân sách từ số bổ sung ngân sách hàng năm của Trung ương để hỗ trợ việc thực hiện vụ việc phức tạp, điển hình. Đây là nội dung được Luật hóa theo nội dung của Quyết định số 32/2016 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách TGPL cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số các xã nghèo, thôn bản đặc biệt khó khăn giai đoạn 2016 - 2020 và hỗ trợ tham gia các vụ việc phức tạp điển hình.

**2. Về người được trợ giúp pháp lý**

So với Luật TGPL năm 2006 thì diện người được TGPL đã được mở rộng hơn và đây cũng là nội dung quan trọng của việc bổ sung lần này, Theo đó, người được TGPL đã được mở rộng từ 7 nhóm lên 14 nhóm. Cụ thể:

- Hai nhóm đối tượng được kế thừa hoàn toàn từ Luật TGPL năm 2006 là người có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo;

- Hai nhóm đối tượng được kế thừa và mở rộng thêm là trẻ em không nơi nương tựa thành tất cả trẻ em (để tương thích với Luật trẻ em 2016); người dân tộc thiểu số “thường trú” (theo Luật cũ) thành “cư trú” ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (theo Luật mới);

- Bên cạnh đó, Luật TGPL năm 2017 bổ sung 02 nhóm là người bị buộc tội từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi; người bị buộc tội thuộc hộ cận nghèo;

- Ngoài ra, Luật TGPL năm 2017 có quy định mới trong việc áp dụng điều kiện có khó khăn về tài chính đối với 08 nhóm người được TGPL, gồm: Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ, chồng, con của liệt sĩ và người có công nuôi dưỡng khi liệt sĩ còn nhỏ; người nhiễm chất độc da cam; người cao tuổi; người khuyết tật; người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi là bị hại trong vụ án hình sự; nạn nhân trong vụ việc bạo lực gia đình; nạn nhân của hành vi mua bán người theo quy định của Luật Phòng, chống mua bán người; người nhiễm HIV (Luật cũng đã giao cho Chính phủ quy định chi tiết điều kiện khó khăn về tài chính của người được TGPL quy định tại khoản này).

**3. Về tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý**

Luật TGPL năm 2017 chỉ điều chỉnh hoạt động TGPL do Nhà nước tổ chức thực hiện, các dịch vụ pháp lý thiện nguyện của các tổ chức xã hội sẽ không chịu sự điều chỉnh của Luật này. Hoạt động TGPL do Nhà nước tổ chức thực hiện cần tuân theo các quy định của Luật này về đối tượng TGPL, tổ chức thực hiện TGPL, người thực hiện, hình thức, lĩnh vực TGPL,… Các tổ chức, cá nhân thực hiện TGPL cần đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện nhằm bảo đảm chất lượng dịch vụ TGPL. Việc tham gia TGPL của các tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật được thực hiện thông qua cơ chế ký hợp đồng thực hiện TGPL và đăng ký tham gia TGPL. Các tổ chức ký hợp đồng thực hiện TGPL được hưởng thù lao và chi phí thực hiện vụ việc.

Như vậy, đối chiếu giữa Luật TGPL năm 2006 với Luật TGPL năm 2017 có thể thấy, tổ chức tham gia TGPL đã được hạn chế lại so với trước bởi vì Luật TGPL năm 2017 đã quy định các điều kiện cụ thể để tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật tham gia TGPL.

***Để được ký hợp đồng thực hiện TGPL cũng như để được đăng ký tham gia thực hiện trợ giúp pháp lý, tổ chức có nguyện vọng phải có điều kiện sau (Điều 14 và 15 Luật TGPL năm 2017)):***

- Có lĩnh vực đăng ký hoạt động phù hợp với lĩnh vực TGPL theo quy định của Luật TGPL năm 2017;

- Là tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật có ít nhất 01 tư vấn viên pháp luật có 02 năm kinh nghiệm tư vấn pháp luật trở lên hoặc 01 luật sư làm việc thường xuyên tại tổ chức;

- Có cơ sở vật chất phù hợp với hoạt động trợ giúp pháp lý;

- Không đang trong thời gian thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động hành nghề luật sư, tư vấn pháp luật.

**4. Về người thực hiện trợ giúp pháp lý**

Luật TGPL năm 2017 quy định người thực hiện TGPL gồm:

- Trợ giúp viên pháp lý;

- Luật sư thực hiện TGPL theo hợp đồng với Trung tâm TGPL nhà nước; luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý theo phân công của tổ chức tham gia TGPL;

- Tư vấn viên pháp luật có 02 năm kinh nghiệm tư vấn pháp luật trở lên làm việc tại tổ chức tham gia TGPL;

- Cộng tác viên TGPL.

Có thể nói, về mặt hình thức, số lượng nhóm người thực hiện TGPL giữa Luật TGPL năm 2006 và Luật TGPL năm 2017 không có gì thay đổi. Tuy nhiên, về mặt tổng thể thì số lượng người thực hiện TGPL theo Luật TGPL năm 2017 đã bị hạn chế. Cụ thể:

Thứ nhất, theo Luật TGPL năm 2017, luật sư chỉ thực hiện TGPL theo 02 phương thức như sau:

*-* Luật sư thực hiện TGPL theo hợp đồng cộng tác với Trung tâm TGPL nhà nước*.* Các luật sư này được ký hợp đồng thực hiện TGPL với các Trung tâm TGPL và thực hiện TGPL bằng hình thức tham gia tố tụng. Khi thực hiện TGPL, luật sư làm việc theo hợp đồng thực hiện TGPL được hưởng bồi dưỡng vụ việc theo quy định của Chính phủ.

*-* Luật sư là thành viên của các tổ chức tham gia TGPL thực hiện TGPL theo sự phân công của tổ chức tham gia TGPL.

Như vậy, luật sư chỉ thực hiện TGPL trong phạm vi hạn chế của hai phương thức trên, còn nếu không theo phương thức này, luật sư không được thực hiện trợ giúp pháp lý.

Thứ hai, theo Luật TGPL năm 2017, tư vấn viên pháp luật chỉ được thực hiện trợ giúp pháp lý nếu đủ 02 điều kiện là phải có 02 năm kinh nghiệm tư vấn pháp luật trở lên và phải làm việc tại tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý. Điều này có nghĩa là những tư vấn viên pháp luật chưa có đủ 2 năm kinh nghiệm hoặc không làm việc ở các tổ chức tham gia thực hiện TGPL thì không phải là người thực hiện TGPL theo Luật TGPL năm 2017.

Thứ ba, về cộng tác viên TGPL, theo quy định tại Điều 24 của Luật TGPL năm 2017 thì những người có đủ điều kiện sau mới được xem xét ký hợp đồng cộng tác viên TGPL: “Những người đã nghỉ hưu, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, có phẩm chất đạo đức tốt, có sức khỏe, có nguyện vọng thực hiện trợ giúp pháp lý có thể trở thành cộng tác viên trợ giúp pháp lý, bao gồm: trợ giúp viên pháp lý; thẩm phán, thẩm tra viên ngành Tòa án; kiểm sát viên, kiểm tra viên ngành kiểm sát; điều tra viên; chấp hành viên, thẩm tra viên thi hành án dân sự; chuyên viên làm công tác pháp luật tại các cơ quan nhà nước”. Bên cạnh đó, cũng tại Điều này còn có thêm một điều kiện nữa là chỉ ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và căn cứ vào nhu cầu TGPL của người dân, điều kiện thực tế tại địa phương, những người đủ điều kiện nêu trên mới được Giám đốc Trung tâm TGPL nhà nước đề nghị Giám đốc Sở Tư pháp cấp thẻ cộng tác viên TGPL.

**5. Về hình thức TGPL**

So với Luật TGPL năm 2006 thì Luật TGPL năm 2017 đã thu hẹp các hình thức TGPL, chỉ còn bao gồm 3 hình thức: tham gia tố tụng, tư vấn pháp luật, đại diện ngoài tố tụng. Việc sửa đổi này về cơ bản kế thừa tinh thần của Luật TGPL năm 2006 và cũng để khắc phục sự tùy tiện trong hướng dẫn thi hành cũng như triển khai thực hiện Luật TGPL trong thời gian qua. Cụ thể:

- Một số hình thức như: TGPL lưu động, sinh hoạt Câu lạc bộ TGPL gây lãng phí nguồn lực mà không đáp ứng được nhu cầu giải quyết các vụ việc cụ thể, không gắn với việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, số vụ việc TGPL chiếm tỷ lệ không đáng kể. Vì vậy, các hình thức này đã không được kế thừa và không quy định trong Luật TGPL năm 2017;

- Các hình thức TGPL khác theo quy định tại khoản 4 Điều 27 và Điều 31 Luật TGPL năm 2006 là “việc giúp đỡ họ hòa giải, thực hiện những công việc liên quan đến thủ tục hành chính, khiếu nại và *các hoạt động khác”* về bảnchất là việc tư vấn giúp người dân hiểu pháp luật, giải quyết vụ việc. Vì vậy, Điều 34 Luật TGPL năm 2017 đã xác định lại nội hàm tư vấn pháp luật theo hướng có hoạt động *“hướng dẫn, đưa ra ý kiến, giúp soạn thảo văn bản liên quan đến tranh chấp, khiếu nại, vướng mắc pháp luật của họ; hướng dẫn giúp các bên hòa giải, thương lượng, thống nhất hướng giải quyết vụ việc”*.

- TGPL lưu động, không phải là hình thức TGPL mà là cách thức tổ chức thực hiện TGPL ngoài trụ sở, do đó đã được quy định lại trong điều 30 của Luật TGPL năm 2017.

**6. Về trách nhiệm của tổ chức chủ quản của tổ chức tư vấn pháp luật**

Điều 44 của Luật TGPL năm 2017 quy định trách nhiệm của tổ chức chủ quản của tổ chức tư vấn pháp luật: “***Tổ chức chủ quản của tổ chức tư vấn pháp luật có trách nhiệm phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về trợ giúp pháp lý trong quản lý, giám sát việc thực hiện trợ giúp pháp lý của tổ chức tư vấn pháp luật, tư vấn viên pháp luật theo quy định của Luật này***”. Đây là một quy định hoàn toàn mới so với Luật TGPL năm 2006. Quy định này (theo như dụng ý của cơ quan soạn thảo Luật) là nhằm tăng cường hơn nữa trách nhiệm của các tổ chức này trong việc phối hợp với cơ quan quản lý TGPL trong việc quản lý, giám sát tư vấn viên pháp luật, tổ chức tư vấn pháp luật thực hiện TGPL. Quy định nói trên tạo cơ chế giúp bảo đảm chất lượng tham gia TGPL của các tổ chức tư vấn pháp luật.

**IV. Một số yêu cầu đối với các cấp Hội Luật gia**

Thứ nhất, Hội Luật gia các tỉnh/thành phố chỉ đạo các Trung tâm tư vấn pháp luật trực thuộc kiểm tra việc tham gia thực hiện TGPL của Trung tâm (có đăng ký hay không đăng ký tham gia TGPL) và người là thành viên, hội viên của Hội có tham gia TGPL. Trong trường hợp, Trung tâm TVPL có đăng ký tham gia thực hiện TGPL hoặc người là hội viên, thành viên của Hội tham gia TGPL theo quy định của Luật TGPL năm 2006 cần lưu ý:

- Trong thời hạn 1 năm (kể từ ngày 01/01/2018), thời điểm Luật TGPL năm 2017 có hiệu lực thi hành, tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý, người tham gia trợ giúp pháp lý theo Luật TGPL năm 2006 phải đáp ứng yêu cầu của Luật này; trường hợp không đáp ứng yêu cầu của Luật này thì chấm dứt tham gia trợ giúp pháp lý và chuyển hồ sơ vụ việc đang thực hiện cho Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước nơi đăng ký tham gia để tiếp tục thực hiện.

- Vụ việc TGPL đang được thực hiện theo Luật TGPL năm 2006 nhưng đến ngày Luật TGPL năm 2017 có hiệu lực thi hành (ngày 01/01/2018) mà chưa kết thúc thì tiếp tục thực hiện theo quy định của Luật TGPL năm 2006 cho đến khi kết thúc vụ việc.

Thứ hai, theo quy định của Luật TGPL năm 2017 như đã đề cập ở phần trên, cộng tác viên TGPL đã có sự thay đổi, theo đó, đại đa số các tư vấn viên pháp luật không được tham gia với tư cách cộng tác viên TGPL. Tư vấn viên pháp luật chỉ được tham gia TGPL khi có đủ 2 năm kinh nghiệm tư vấn pháp luật và làm việc tại tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý. Vì vậy, đề nghị các tỉnh/thành Hội cần đánh giá lại thực trạng các Trung tâm TVPL của mình có đủ điều kiện tham gia thực hiện TGPL theo Luật TGPL năm 2017 thì chủ động đăng ký lại việc tham gia TGPL để đảm bảo quyền và lợi ích của Trung tâm TVPL cũng như Tư vấn viên pháp luật sau này.

Thứ ba, Luật TGPL năm 2017 đã có quy định cụ thể về trách nhiệm của cơ quan chủ quản trong việc phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về trợ giúp pháp lý trong quản lý, giám sát việc thực hiện TGPL của tổ chức tư vấn pháp luật, tư vấn viên pháp luật. Vì vậy, với tư cách là cơ quan chủ quản, các tỉnh/thành Hội cần có sự phối hợp với Sở Tư pháp địa phương trong việc quản lý, giám sát việc thực hiện TGPL của Trung tâm TVPL đã đăng ký tham gia TGPL theo đúng các quy định của Luật TGPL năm 2017 kể từ thời điểm Luật này có hiệu lực thi hành.

Thứ tư, một trong những điểm đáng chú ý và có liên quan đến Hội Luật gia trong Luật TGPL năm 2017 đó là Luật đã có chính sách và có các quy định cụ thể về cơ chế hỗ trợ cho các tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý. Cụ thể là các Trung tâm tư vấn pháp luật có thể được Nhà nước hỗ trợ kinh phí khi tham gia thực hiện TGPL tại địa phương. Đây có thể nói là một điểm hoàn toàn mới so với Luật TGPL năm 2006 và cũng là một thành quả của Trung ương Hội, các cấp Hội khi tham gia vào quá trình sửa đổi Luật TGPL lần này.

Cụ thể, Điều 14 Luật TGPL năm 2017 đã quy định về điều kiện để một tổ chức được lựa chọn, ký hợp đồng thực hiện TGPL:

- Có lĩnh vực đăng ký hoạt động phù hợp với lĩnh vực TGPL theo quy định của Luật TGPL năm 2017;

- Là tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật có ít nhất 01 tư vấn viên pháp luật có 02 năm kinh nghiệm tư vấn pháp luật trở lên hoặc 01 luật sư làm việc thường xuyên tại tổ chức;

- Có cơ sở vật chất phù hợp với hoạt động trợ giúp pháp lý;

- Không đang trong thời gian thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động hành nghề luật sư, tư vấn pháp luật.

Đây mới chỉ là điều kiện cần, điều kiện tối thiểu đối với các tổ chức tư vấn pháp luật để được Sở Tư pháp lựa chọn, ký hợp đồng và hỗ trợ kinh phí thực hiện. Trình tự, thủ tục lựa chọn và ký hợp đồng sẽ được Bộ Tư pháp hướng dẫn cụ thể trong Thông tư hướng dẫn thi hành Luật đang được soạn thảo. Theo như Dự thảo Thông tư hướng dẫn của Bộ Tư pháp thì trình tự, thủ tục lựa chọn tổ chức ký hợp đồng thực hiện TGPL được thực hiện như sau:

- Sở Tư pháp lập kế hoạch lựa chọn ký hợp đồng thực hiện TGPL;

- Thông báo kế hoạch lên phương tiện thông tin đại chúng;

- Các tổ chức có nguyện vọng nộp hồ sơ đăng ký;

- Sở Tư pháp nhận hồ sơ của các tổ chức đăng ký và thành lập Tổ chuyên gia đánh giá Hồ sơ;

- Thông báo kết quả;

- Tổ chức ký hợp đồng thực hiện TGPL với tổ chức được lựa chọn.

Vì vậy, để có thể được lựa chọn ký hợp đồng thực hiện TGPL trong thời gian tới, Hội Luật gia các tỉnh/thành phố cần chủ động đánh giá lại Trung tâm TVPL trực thuộc, bố trí, sắp xếp, bổ sung các điều kiện tối thiểu theo quy định của Luật TGPL năm 2017 nêu trên, chủ động đề xuất, phối hợp với Sở Tư pháp tỉnh/thành trong quá trình lựa chọn ký hợp đồng thực hiện TGPL.

Trên đây là một số nội dung cơ bản, mới của Luật TGPL năm 2017 có liên quan đến hoạt động của Hội Luật gia các cấp cũng như một số yêu cầu đặt ra đối với các cấp Hội trong việc triển khai thực Luật này trong thời gian tới. Trong quá trình triển khai thực hiện các quy định của Luật này, nếu có vấn đề gì còn khó khăn, vướng mắc, đề nghị các tỉnh/thành Hội chủ động thông tin về Trung ương Hội để có hướng dẫn kịp thời hoặc để Trung ương Hội phán ánh với các cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật./.

*Luật gia Phạm Xuân Anh – Chuyên viên Ban Đối ngoại*

*và hợp tác quốc tế, Hội Luật gia Việt Nam*